



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2010

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2010 đến 31/03/2010			Lũy kế đến 31/03/2010		
		Công ty	Hợp nhất	Hợp nhất giá định	Công ty	Hợp nhất	Hợp nhất giá định
1	2	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		896,541	896,541		896,541	896,541
2. Các khoản giảm trừ	2		34,165	34,165		34,165	34,165
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		862,376	862,376		862,376	862,376
4. Giá vốn hàng bán	11		539,753	539,753		539,753	539,753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		322,623	322,623		322,623	322,623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	36,178	65,360	65,360	36,178	65,360	65,360
7. Chi phí tài chính	22	23,625	49,615	49,615	23,625	49,615	49,615
8. Chi phí bán hàng	24		187,227	187,227		187,227	187,227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,333	23,683	23,683	3,333	23,683	23,683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	9,220	127,458	127,458	9,220	127,458	127,458
11. Thu nhập khác	31		4,428	4,428		4,428	4,428
12. Chi phí khác	32		4,280	4,280		4,280	4,280
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		148	148		148	148
14. Lợi nhuận thu được từ các công ty liên kết	41		13,006	76,494		13,006	76,494
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	9,220	140,612	204,100	9,220	140,612	204,100
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15,007	15,007		15,007	15,007
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1,199	1,199		1,199	1,199
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	9,220	124,406	187,894	9,220	124,406	187,894
19. Lợi nhuận phân bổ cho :							
+ Cổ đông thiểu số	61		27,835	27,835		27,835	27,835
+ Cổ đông vốn chủ sở hữu của công ty	62	9,220	96,571	160,059	9,220	96,571	160,059
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70						
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71		199	330		199	330

Người lập

Lahat

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 05 năm 2010

Người duyệt



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch